

Bản án số: **82/2024/DS-PT**

Ngày: 05/02/2024

V/v: Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức và bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 501/2024/TLPT-DS ngày 13/12/2023 về việc: “*Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32a/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1972; địa chỉ: Buôn J, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt

- Bị đơn: Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị L, chị Huỳnh Thị T, anh Huỳnh Xuân C, anh Huỳnh Xuân Th, anh Huỳnh Xuân M, anh Huỳnh Xuân T; cùng địa chỉ: Buôn J, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị V, ông Phạm Văn H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 38 trang 47 (sổ mục kê địa chính của Nông trường cà phê P) nay là bản đồ số 97. Địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Ea Yông, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, bao gồm các thửa đất nhỏ sau: Thửa đất số 114 có diện tích 109,4m²; Thửa đất số 123 có diện tích 136,3m²; Thửa đất số 126 diện tích có 64,4m²; Thửa đất số 122 có diện tích 168,9m². Tổng diện tích là 800m² và thửa đất số 932, tờ bản đồ số 66, có diện tích 1786m² liền kề với thửa đất số 114.

là do bố mẹ bà V là ông Huỳnh Xuân S (còn gọi là Huỳnh Đ - đã chết) và bà Hồ Thị L khai hoang từ năm 1980, đến năm 1995 ông S, bà L cho vợ chồng tôi sử dụng không tranh chấp với ai. Năm 2013 do thấy bà Đặng Thị H1 không có nhà để ở nên vợ chồng tôi đã cho bà H1 mượn một phần trong diện tích đất nói trên để ở tạm và chăn nuôi vịt. Cụ thể diện tích đất vợ chồng tôi cho mượn thuộc thửa đất số 123 diện tích 136,3m² có tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông giáp đất ông H;
- + Phía Tây giáp đường liên thôn;
- + Phía Bắc giáp đất ông H;
- + Phía Nam giáp ruộng nước và đất ông H.

Tuy nhiên, trong quá trình ở nhờ thì bà H1 tự ý trồng cây và làm những việc khác nhưng không hỏi ý kiến của vợ chồng tôi, nên đã nhiều lần yêu cầu bà H1 di dời trả lại đất cho gia đình tôi nhưng bà H1 vẫn không trả lại đất nên vợ chồng tôi đã khiếu nại lên UBND xã E. Tại buổi hòa giải ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại UBND xã E bà H1 thừa nhận nguồn gốc thửa đất mà hiện nay bà H1 đang làm nhà ở là của vợ chồng tôi, nhưng bà H1 yêu cầu vợ chồng tôi phải bồi thường cho bà H1 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu) thì bà mới di dời đi nơi khác.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên vợ chồng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Đặng Thị H1 phải trả lại đất cho vợ chồng tôi. Khi nộp đơn khởi kiện do các thửa đất của vợ chồng tôi diện tích mỗi thửa không lớn, liền kề nhau nên không xác định ranh giới cụ thể của mỗi thửa nên khi khởi kiện vợ chồng tôi yêu cầu bà H1 phải di dời 01 ngôi nhà thưng tôn, mái lợp tôn, diện tích 35m² để trả cho vợ chồng tôi 136,3m² thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 17 (nay là tờ số 97) tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả đo đạc ngày 25/8/2022 của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật, trắc địa Sài Gòn thì hiện tại căn nhà của bà H1 dựng trên thửa đất số 932, tờ bản đồ số 66. Do vậy, vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án buộc bà H1 phải di dời 01 ngôi nhà thưng tôn, mái lợp tôn, diện tích 35m², tọa lạc trên thửa đất số 932, tờ bản đồ số 66, có vị trí: Phía Đông, phía Nam và phía Bắc giáp đất của vợ chồng tôi, phía Tây giáp đường liên thôn. Địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để trả lại đất cho vợ chồng ông H, bà V.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị H1 trình bày:

Khoảng năm 2005 bà H1 mở quán bán hàng cạnh nhà bà L (mẹ đẻ của bà V) nên quen biết bà V. Do chỗ ở của bà H1 chật chội, khó phát triển kinh tế, nên bà V đã cho bà mượn thửa đất đang tranh chấp để làm trại chăn nuôi heo. Nên năm 2005 bà H1 chuyển đến thửa đất nói trên sinh sống đến nay. Khi bà H1 đến ở trên thửa đất trên thì ngoài một số cây cà phê mới trồng thì không có bất kỳ tài sản gì khác. Khi cho bà ở nhờ thì bà V đổ vật liệu, bà H1 gọi thợ xây, bỏ công ra cùng rồi cùng thợ xây để xây lên phần đất trên một căn nhà xây cấp 4, lợp tôn, nền láng xi măng có diện tích khoảng 20m². Khi sinh sống trên thửa đất của bà V, do bà V

không lấy tiền thuê nhà nên bà chăm sóc cây cà phê mà bà V đã trồng coi như trả tiền thuê nhà cho bà V. Trong thời gian đó bà có trồng vào vườn cà phê 07 cây sầu riêng, 03 cây bơ but, trồng ngoài bờ rào 5 cây bơ thường, trồng dọc hành lang giao thông 08 cây sầu riêng, 5 cây mít, một hàng chuối, phía ngoài hàng chuối là rào hàng rào bằng kẽm gai hai dây, trụ rào là gốc cây cà phê và cây gỗ tận dụng. Khi trồng sầu riêng và bơ trong vườn cà phê thì bà có hỏi ý kiến bà V, bà V đồng ý cho bà trồng. Tuy nhiên, bà V cũng báo cho bà biết nếu bà V lấy lại đất thì bà V không đền bù các cây mà bà trồng trên phần đất của bà V. Sau khi bà vào ở được 03 năm thì bà V đến nói với tôi bà V cho bà thuê căn nhà nói trên để ở với số tiền 3.000.000đ/năm, nếu không thuê thì dọn đi trả lại nhà đất cho bà V. Đến năm 2018 thì bà V ông H không cho bà ở trong căn nhà đó nữa. Bà đã trả lại nhà cho bà V ông H. Sau khi bà trả nhà thì bà V ông H đã cho xe vào ủi toàn bộ nhà cửa, cây cối bao gồm cả cà phê, bơ, sầu riêng, chuối, mít mà bà đã trồng ở trong lô cà phê và cả trên đất hành lang giao thông, hiện tại số cây bà trồng chỉ còn 02 cây sầu riêng, 01 cây mít, 01 bụi chuối, 01 bụi tre, 01 cây dừa. Do không còn bất kỳ chỗ nào để ở nên bà đã tháo dỡ mái hiên và mái tôn của chuồng heo và dựng lên phần đất đang tranh chấp có kết cấu nhà thương tôn, lợp tôn, nền láng xi măng khoảng 35m². Nay bà V, ông H yêu cầu bà tháo dỡ căn nhà thương tôn, lợp tôn, nền láng xi măng khoảng 35m² trả lại đất cho ông H.

Quan điểm của bà H1 là: Nếu sau khi đo đạc mảnh đất mà bà đang ở, 02 cây sầu riêng, 01 cây mít, 01 cây dừa mà bà đã trồng thuộc đất của ông H, bà V thì bà H1 tự nguyện tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông H, bà V và không yêu cầu ông H bà V phải bồi thường giá trị của các tài sản đó. Nếu đất thuộc bờ suối và đất hành lang giao thông thì bà không đồng ý tháo dỡ nhà trả đất cho ông H, bà V. Đồng thời bà H1 yêu cầu ông H, bà V phải trả lại trị giá 06 cây sầu riêng, 04 cây mít, 01 hàng chuối khoảng 15 bụi (không biết bao nhiêu cây) và hàng rào kẽm gai bà trồng trên đất hành lang giao thông. Tổng cộng 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) và trả lại cho bà các chi phí bà đã bỏ ra để xây nhà, các công trình phụ, chuồng trại và chi phí thuê người đổ mặt bằng mà ông H, bà V đã cho máy ủi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và bồi thường cho bà 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) do quá trình ông H đưa người vào ủi chuồng trại, chặt phá cây cối bà đã trồng và lấy đồ đạc của bà gồm cây cảnh, cuộn thép.

- Quá trình giả quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số mà hiện nay ông H, bà V đang tranh chấp với bà Đặng Thị H1 do bà và ông Huỳnh Xuân S khai hoang vào khoảng năm 1979 đến năm 1980, bao gồm các thửa 114, 122, 123, 126 tờ bản đồ số 17 (nay là tờ số 97) và thửa 932 tờ bản đồ số 66. Sau khi khai phá thì gia đình bà sử dụng ổn định đến năm 1995 thì bà và ông S đã để lại toàn bộ các thửa đất trên cho ông H, bà V được toàn quyền sử dụng. Quá trình sử dụng, bà V, ông H xây lên thửa đất đó một căn nhà để canh đất, sau đó cho bà Đặng Thị H1 mượn. Do có sự tranh chấp trong quá trình sử dụng giữa bà V với bà H1 nên bà V, ông H đã phá dỡ căn nhà nói trên thì

bà H1 đã tự ý dựng lên thửa đất hiện đang tranh chấp căn nhà tôn khoảng 35m². Nay bà V, ông H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà H1 tháo dỡ căn nhà để trả đất cho bà V, ông H. Quan điểm của bà L là đề nghị Toàn án buộc bà H1 tháo dỡ nhà trả đất cho ông H, bà V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Xuân C, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Xuân Th, ông Huỳnh Xuân M, ông Huỳnh Xuân T trình bày:

Các ông bà là con đẻ của ông S và bà L. Nguồn gốc thửa đất mà ông H, bà V đang tranh chấp với bà Đặng Thị H1 do ông S, bà L khai hoang mà có. Năm 1995 thì bà L và ông S đã để lại toàn bộ các thửa đất trên cho ông H, bà V được toàn quyền sử dụng. Quá trình sử dụng, bà V, ông H xây lên thửa đất đó một căn nhà đề canh đất, sau đó cho bà Đặng Thị H1 mượn. Do có sự tranh chấp trong quá trình sử dụng giữa bà V với bà H1 nên bà V, ông H đã phá dỡ căn nhà nói trên thì bà H1 đã tự ý dựng lên thửa đất hiện đang tranh chấp căn nhà tôn khoảng 35m². Nay bà V, ông H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà H1 tháo dỡ căn nhà để trả đất cho bà V, ông H.

- Người làm chứng ông Nguyễn Minh B trình bày:

Khoảng 10 năm trước (tôi không nhớ cụ thể năm nào) tôi có theo một số người đồng bào ở Buôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến nhà Đặng Thị H1 tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo đó tôi được bà H1 thuê san lấp bờ ao cho bà H1. Tôi chỉ làm cho bà H1 trong thời gian một ngày rồi thôi, sau khi tôi làm xong thì bà H đã thanh toán đủ tiền cho tôi. Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ số tiền bà H1 thanh toán cho tôi là bao nhiêu cả. Ngoài ra tôi không biết gì khác.

- Người làm chứng ông Châu Khắc S trình bày:

Trước đây (tôi không nhớ thời gian cụ thể) tôi có được bà Đặng Thị H1, trú tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thuê xây chuồng heo cho bà H1, chuồng heo mà bà H1 thuê tôi xây tôi không nhớ rộng bao nhiêu nhưng tôi nhớ là không lớn. Tôi làm cho bà H1 trong hai ngày thì hoàn thiện, sau đó bà H1 thanh toán tiền công cho tôi. Do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ số tiền công mà bà H1 thanh toán cho tôi là bao nhiêu cả.

- Người làm chứng ông Lương Quang C trình bày:

Khoảng năm 2009 hoặc năm 2010 bà Đặng Thị H1 có thuê tôi xây nhà cho bà H1, tôi làm cho bà H1 khoảng một tuần thì do bận việc nên tôi không làm tiếp cho bà H1 nữa. Tôi không biết nhà đó của ai, nhưng sau khi tôi nghỉ làm thì bà H1 là người thanh toán đầy đủ tiền công. Do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ số tiền công mà bà H1 thanh toán cho tôi là bao nhiêu cả.

- Người làm chứng ông Lê Văn H trình bày:

Trước đây tôi không nhớ năm nào tôi có được bà Đặng Thị H1, trú tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thuê lán sân và xây bờ rào cho bà H1. Phần sân mà tôi làm cho bà H1 rộng khoảng 20m², xung quanh bao lưới B40. Tôi làm cho bà H1 trong hai ngày rưỡi thì hoàn thiện, sau đó bà H1 thanh toán tiền công cho tôi. Do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ số tiền công mà bà H1 thanh toán cho

tôi là bao nhiêu cả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

Áp dụng Điều 255, Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị V và ông Phạm Văn H.

Buộc bà Đặng Thị H1 tháo dỡ, di dời căn nhà khung sắt, thung tôn, lợp tôn, nền láng xi măng trả lại cho bà Huỳnh Thị V và ông Phạm Văn H phần đất có diện tích đất là 30,6m². Có tứ cận như sau:

- Đông giáp đất ông H, cạnh dài 6m;
- Tây giáp đường đi, cạnh dài 6 m;
- Nam giáp đất ông H, cạnh dài 5.10m
- Bắc giáp đất ông H, cạnh dài 5,10m.

Giao 01 cây dừa; 01 bụi tre cho bà Huỳnh Thị V và ông Phạm Văn H được quyền quản lý sử dụng. Buộc bà Huỳnh Thị V và ông Phạm Văn H phải thanh toán cho bà Đặng Thị H1 01 cây dừa, trị giá 766.200đ; 01 bụi tre trị giá 112.000đ. Ghi nhận việc bà V tự nguyện hỗ trợ cho bà H1 số tiền 10.000.000đồng. Tổng cộng là 10.878.200đ (Mười triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm đồng)

Đối với 02 cây sầu riêng; 01 cây mít; 01 bụi chuối, bà Đặng Thị H1 trông trên đất hành lang giao thông đường bộ nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm, còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 19/9/2023, bị đơn bà Đặng Thị H1 kháng cáo đối với toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn không chứng minh được nguồn gốc đất là của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, HĐXX xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất đang tranh chấp: Thửa đất số 932, tờ bản đồ số 66, diện tích 1.786m² đất tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là của vợ chồng ông Huỳnh Xuân S, bà Hồ Thị L khai hoang năm 1980. Đến năm 1995, ông S bà L cho vợ chồng con gái là bà Huỳnh Thị V, ông Phạm Văn H quản lý, sử dụng. Đến năm 2020, ông H đến UBND xã E kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã vào sổ mục kê của địa chính xã Ea Yông đứng tên ông Phạm Văn H. Như vậy, đất có nguồn gốc rõ ràng, được chính quyền địa phương xác nhận, các đương sự thừa nhận.

[2.2] Quá trình sử dụng thửa đất trên vào năm 2013, ông H bà V có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên đất và cho bà Đặng Thị H1 ở nhờ. Đến khoảng năm 2018, ông H bà V lấy lại nhà và tháo dỡ toàn bộ căn nhà. Sau khi ông H, bà V tháo dỡ nhà, bà Đặng Thị H1 đã dựng lại 01 căn nhà trên phần diện tích đất đang tranh chấp có kết cấu: Khung sắt, lợp tôn, xung quanh thung tôn, nền lát xi măng có diện tích 30.6m², không được sự cho phép của ông H, bà V. Bị đơn bà Đặng Thị H1 thừa nhận có ở nhờ trên đất của ông H, bà V. Tuy nhiên, sau khi ông H, bà V đòi lại đất và tháo dỡ toàn bộ căn nhà vào năm 2018 thì bà H1 đã dựng 01 căn nhà khác thuộc đất bờ lô và đất hành lang giao thông đường bộ, không phải đất của ông H bà V, do vậy bà H1 không đồng ý trả lại diện tích đất trên.

Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc ngày 25/8/2022 của Công ty TNHH trắc địa Sài Gòn – Chi nhánh Đắk Lắk thể hiện căn nhà diện tích 30,6m² bà Đặng Thị H1 đang sử dụng nằm trong thửa đất số 932, tờ bản đồ số 66 của ông H, bà V. Việc tạo dựng ngôi nhà trên đất không được sự đồng ý của ông H, bà V. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đặng Thị H1 phải di dời nhà để trả lại đất cho ông H, bà V là có căn cứ.

[2.3] Đối với tài sản trên đất gồm 01 bụi tre, 01 cây dừa do bị đơn trồng trên đất tranh chấp: Nguyên đơn đồng ý nhận lại và thanh toán giá trị tương đương theo kết quả định giá tổng số tiền 878.200 đồng cho bị đơn, ngoài ra hỗ trợ thêm 10.000.000đ tiền di dời đến nơi ở mới cho bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần ghi nhận trong bản án.

Đối với 01 cây sầu riêng trồng năm 2013, 01 cây sầu riêng trồng năm 2017, 01 cây mít trồng năm 2014, 01 bụi chuối do bị đơn trồng trên đất hành lang giao thông đường bộ nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là phù hợp.

[2.4] Bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả lại trị giá 06 cây sầu riêng, 04 cây mít; 01 hàng chuối khoảng 15 bụi; hàng rào kẽm gai bị đơn trồng trên đất hành lang giao thông tổng cộng 32.000.000 đồng; chi phí bị đơn đã bỏ ra để xây nhà, các công trình phụ, chuồng trại, chi phí thuê người đổ mặt bằng mà nguyên đơn đã cho máy ủi của bị đơn là 100.000.000 đồng và bồi thường cho bị đơn 200.000.000 đồng do nguyên đơn chặt phá cây cối, lấy đồ đạc của bị đơn gồm cây cảnh, cuộn thép, xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã hướng dẫn bị đơn nộp đơn phản tố và xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố, cũng như không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này của bị đơn và dành quyền khởi kiện cho bị đơn thành vụ kiện khác khi có yêu cầu là phù hợp.

[2.5] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H1, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị V và ông Phạm Văn H.

Buộc bà Đặng Thị H1 tháo dỡ, di dời căn nhà khung sắt, thưng tôn, lợp tôn, nền láng xi măng để trả lại cho bà Huỳnh Thị V và ông Phạm Văn H phần đất có diện tích đất là 30,6m² thuộc thửa đất số 932, tờ bản đồ số 66 tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông H, cạnh dài 6m;
- Phía Tây giáp đường đi, cạnh dài 6m;
- Phía Nam giáp đất ông H, cạnh dài 5,10m
- Phía Bắc giáp đất ông H, cạnh dài 5,10m.

Giao 01 cây dừa; 01 bụi tre cho bà Huỳnh Thị V và ông Phạm Văn H được quyền quản lý sử dụng. Buộc bà Huỳnh Thị V và ông Phạm Văn H phải thanh

toán cho bà Đặng Thị H1 01 cây dừa, trị giá 766.200đ; 01 bụi tre trị giá 112.000đ. Ghi nhận việc ông H, bà V tự nguyện hỗ trợ cho bà H1 số tiền 10.000.000đồng. Tổng cộng là 10.878.200đ (Mười triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm đồng)

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Đặng Thị H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Y Thông Kbuôr